TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – VĨNH LONG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: **78**/2025/DS–ST
Ngày: 06 - 9 -2025
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đinh Thị Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Hiền
2. Ông Ngô Bá Đức

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 191/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2025/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 85/2025/QĐST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1972 và bà Bùi Hoàng Hồng H, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Số 68/69/18/9, Khu phố 5, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ C Minh; Nay là phường T, Thành phố Hồ C Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Số 53/6, ấp T1, xã M, huyện T2, tỉnh Bến Tre; Nay là ấp T1, xã T2, tỉnh Vĩnh Long. *(Xin vắng mặt)*

2/ Bị đơn: Bà Trần Thị Viết T3, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Số 323 ấp A, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre; Nay là ấp A, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N và bà Bùi Hoàng Hồng H, lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn C trình bày:

Vào ngày 20 tháng 11 năm 2023, vợ chồng ông Nguyễn Văn N và bà Bùi Hoàng Hồng H có cho bà Trần Thị Viết T3 vay số tiền 850.000.000 đồng, thời hạn vay không xác định. Bà T3 có viết và ký, ghi rõ họ tên vào "Giấy vay tiền" mà nguyên đơn đã giao nộp cho Toà án. Trong giấy vay tiền, bà T3 cũng xác nhận nhận đủ số tiền này và hứa khi nào ông N và bà H có yêu cầu thì bà T3 sẽ

hoàn trả. Tuy nhiên, đến khoảng tháng 3 năm 2024, ông N và bà H nhiều lần yêu cầu nhưng bà T3 cứ hứa hẹn, nói là đợi bà bán đất sẽ trả nhưng đến nay vẫn không thực hiện. Do đó, ông N và bà H khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà T3 có nghĩa vụ hoàn trả cho ông bà số tiền vay gốc là 850.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Trần Thị Viết T3 vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên toà nên không có lời trình bày, không gửi văn bản nêu ý kiến và tài liệu, chứng cứ cho Toà án xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn N, bà Bùi Hoàng Hồng H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Trần Thị Viết T3 có nghĩa vụ hoàn trả cho ông bà số tiền nợ vay theo hợp đồng nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự, T3ộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông N và bà H cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của ông bà bị xâm phạm bởi việc vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng của bà T3 nên ông N và bà H có quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 68 và Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà T3 có nơi cư trú tại ấp A, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre, nay là ấp A, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ vào quan hệ pháp luật tranh chấp và nơi cư trú của bị đơn xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, nay là Toà án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn C có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông C. Bà T3 đã được Toà án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên toà nhưng vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà T3.

[5] Xét yêu cầu trả tiền nợ vay của ông N và bà H, Hội đồng xét xử nhận định: Theo nguyên đơn trình bày vào ngày 20 tháng 11 năm 2023, vợ chồng ông N, bà H có cho bà T3 vay số tiền 850.000.000 đồng, thời hạn vay không xác định. Bà T3 có viết và ký, ghi rõ họ tên vào "Giấy vay tiền" mà nguyên đơn đã giao nộp cho Toà án. Trong giấy vay tiền, bà T3 cũng xác nhận nhận đủ số tiền này và hứa khi nào ông N và bà H có yêu cầu thì bà T3 sẽ hoàn trả. Tuy nhiên, đến khoảng tháng 3 năm 2024, ông N và bà H nhiều lần yêu cầu nhưng bà T3 cứ hứa hẹn, nói là đợi bà bán đất sẽ trả nhưng đến nay vẫn không thực hiện. Quá trình giải quyết vụ án, bà T3 đã được tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ

án, biết rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bà T3 không có ý kiến phản đối, không đến Toà tham gia tố tụng và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Toà án xem xét. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản của nguyên đơn đưa ra thì nguyên đơn không phải chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bà T3 còn nợ ông N, bà H số tiền 850.000.000 đồng như ông N, bà H yêu cầu và buộc bà T3 có nghĩa vụ hoàn trả cho ông N, bà H số tiền này là phù hợp. Ông N, bà H không yêu cầu tính lãi nên ghi nhận.

[6] Xét về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông N, bà H được chấp nhận nên ông bà không phải chịu án phí và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp, bà T3 có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với số tiền có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các điều 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N và bà Bùi Hoàng Hồng H.

Buộc bị đơn bà Trần Thị Viết T3 có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Văn N và bà Bùi Hoàng Hồng H số tiền vay gốc là 850.000.000 (tám trăm năm mươi triệu) đồng.

Về án phí:

- Bà Trần Thị Viết T3 có nghĩa vụ chịu là 37.500.000 (ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn) đồng.

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn N và bà Bùi Hoàng Hồng H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.000.000 (mười Cn triệu) đồng theo Biên lai T3 tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0012162 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T3ận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự (3b);
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long (1b);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long (1b)
- THADS tỉnh Vĩnh Long (1b);
- TAND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng (3b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Đinh Thị Kim Ngân